

G 10

Round 4 on 2018/08/04 at 15:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	1 - 0	Liu Zhian 送王一次	0	7
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	1 - 0	Liu Yue 送王一次	0	6
9	Wang Ziyun	0	0 - 1	Oyundelger Ochgerel	1064	5
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	0 - 1	Li Joy Ching	1083	4
2	Liu, Xinrui	1315	1 - 0	Zhou Shumeng	1248	3

Round 5 on 2018/08/05 at 09:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
3	Zhou Shumeng	1248	1 - 0	Yao Weibo	0	10
4	Li Joy Ching	1083	1/2 - 1/2	Liu Xinrui	1315	2
5	Oyundelger Ochgerel	1064	1 - 0	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
6	Liu Yue	0	1 - 0	Wang Ziyun 送王一次	0	9
7	Liu Zhian 送王一次	0	0 - 1	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8

Round 6 on 2018/08/06 at 09:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
10	Yao Weibo	0	1 - 0	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	8
9	Wang Ziyun	0	1/2 - 1/2	Liu Zhian	0	7
1	Khanyl Chuluuntuya	1402	1 - 0	Liu Yue	0	6
2	Liu Xinrui	1315	0 - 1	Oyundelger Ochgerel	1064	5
3	Zhou Shumeng	1248	1 - 0	Li Joy Ching	1083	4

Round 7 on 2018/08/06 at 15:00

SNo.	Name	Rtg	Res.	Name	Rtg	SNo.
4	Li Joy Ching	1083	1/2 - 1/2	Yao Weibo	0	10
5	Oyundelger Ochgerel	1064	0 - 1	Zhou Shumeng	1248	3
6	Liu Yue	0	0 - 1	Liu Xinrui	1315	2
7	Liu Zhian	0	0 - 1	Khanyl Chuluuntuya	1402	1
8	Tsai Sophie Yi-Hsuan	0	1 - 0	Wang Ziyun	0	9

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/6 轮次 Round: 7 台次 Board: 1
 白方 White Li Joy Qing 国籍 Federation HKG 等级分 Rating _____
 黑方 Black Yao Wei bo 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

组别 Group
G104

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	Nf3	c6
2	g3	d5
3	Bg2	Nf6
4	c4	Bf5
5	cd	cd
6	e3	e6
7	Nc3	Kc6
8	a3	Bb6
9	d4	0-0
10	0-0	Re8
11	Re1	a6
12	Nd2	Rc8
13	04	de
14	Nd4	Nd4
15	Nd4	Be7
16	B03	Nd4
17	Be4	Bb6
18	Re2	a07
19	d5	ed
20	Qd5	a05
21	Bd5	Re5
22	Bg2	Nd4
23	Rce8	Bd2
24	NB	Re5
25	Be5	Ra1
26	Rd8	Re1
27	Bb2	Bb4
28	a5	Bd6
29	g6	Rb1
30	Rd6	Rb2

	White	Black
31	Rd1	Rf1
32	Nd2	Rd7
33	Rf1	Kg2
34	Ra1	Rd7
35	Nc4	Rd4
36	Nb2	Rd8
37	Kg7	Rd2
38	Nc4	Rd5
39	Ra3	Rd5
40	Ra2	Kf3
41	Nc3	Rc3
42	Ra3	Kf2
43	Nc4	Re5
44	Nb6	h3
45	h5	Re2
46	g5	Rd5
47	Kg6	h4
48	g4	Rg5
49	Kb6	Rf5
50	Rf3	Rf3
51	g4	Rf3
52	Kg6	Kf4
53	Nc4	f3
54	Nb6	g4
55	f6	Kg3
56	Nd7	Rf4
57	Nd6	Kg3
58	Nd7	Kf4
59	Nd6	Kg3
60	h9	Kg4

	White	Black
61	R5	Kf6
62	Rd5	Kd5
63	Kd4	Kd6
64	Kg3	Kd5
65	Rf3	Kf5
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Yao Wei bo 姚蔚博

裁判 Arbiter

白蔚青



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 6-8-2018 轮次 Round: 7 台次 Board: 1

白方 White Li Joy Ching 国籍 Federation HKG 等级分 Rating _____

黑方 Black Yao Wei bo 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

组别 Group

G10

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	Nf3	cb
2	g3	d5
3	Bg2	Nfb
4	O4	Bf5
5	Cxd5	Cxd5
6	e3	eb
7	Nc3	Ncb
8	a3	Bab
9	d4	O-O
10	O-O	Re8
11	Re1	ab
12	Nd2	Rc8
13	e4	dxe4
14	Ndx4	Nxe4
15	Nxe4	Bc7
16	Be3	Bxe4
17	Bxe4	Bfb
18	Re2	Qd7
19	d5	exd5
20	Qxd5	Qxd5
21	Bxd5	Re5
22	Bg2	Nd4
23	Re1	Rce8
24	Bd2	Nb3
25	Rxe5	Bxe5
26	Rd1	Rd8
27	Re1	Bxb3
28	Bb4	a5
29	Bdb	g6
30	Rb1	Rxd6

	White	Black
31	Rxb2	Rd1+
32	Bf2	Nd2
33	Rrb7	Rxf1+
34	Kg2	Ra1
35	Rd7	Nc4
36	Rd4	Nb2
37	Rd8+	kg7
38	Rd2	Na4
39	Rd5	Rxa3
40	Ra5	Ra2
41	Kf3	Nc3
42	Rc5	Ra3
43	kg2	Ne4
44	Re5	Nfb
45	h3	h5
46	Re2	g5
47	Re5	Kgb
48	h4	g4
49	Rg5+	Khb
50	Rf5	Rf3
51	Rxf3	gxf3+
52	Kxf3	Kgb
53	Kf4	Ng4
54	f3	Nhb
55	g4	f6
56	Kg3	Nf7
57	Kf4	Ndb
58	kg3	Nf7
59	Kf4	Ndb
60	Rd Ng3	hxg4

	White	Black
61	Kxg4	f5+
62	Kf4	Kh5
63	Ke5	Kxh4
64	Kxd6	kg3
65	Ke5	Kxf3
66	Kxf5	½+½
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Yao Wei bo 姚韦博

裁判 Arbiter

--



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 2
 白方 White Dyundelger 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1064
 黑方 Black Zhou Shumeng 国籍 Federation china 等级分 Rating 1248

组别 Group
G10


结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c6
2	d4	d5
3	e5	Bf5
4	Bd3	B:d3
5	Q:d3	e6
6	Be3	Ne7
7	Nf3	Ng6
8	c4	dc
9	Q:c4	Qd3
10	Qb3	Q:b3
11	ab	Na6
12	O-O	Be7
13	Nc3	O-O
14	Ne4	Rad8
15	Rad1	Nb4
16	h3	Ndb
17	Re1	N:e3
18	fe	b6
19	g4	Nh4
20	N:h4	B:h4
21	Re2	Rh2
22	Rd3	h4
23	-	Rd8
24	Nc3	c5
25	Ne2	cd
26	ed	Bc5
27	Ra1	Bb6
28	Ra4	Kf1
29	Rc2	f
30	Ra2?	a0

	White	Black
31	Na6 g5	B:d4
32	N:d4	R:h2
33	K:h2	R:d4
34	gh	gh
35	Kg2	Ra4
36	R:g4	Qa
37	Kg2	Kf3
38	Kg6	Kg4
39	h5	Kf4
40	h4	Kg4
41	K:h3	Kf5
42	Kg3	Kf3
43	Kd4	Ke2
44	Kf5	Kd2
45	e5	-
46	Ke2	e4
47	Kf2	f4
48	f3	Kf2
49	Ke1	R3
50	b4	e2
51	b5	Ke3
52	b6	f2
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black Zhou Shumeng
---	-----------------------------

裁判 Arbiter

白耐君



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 2
 白方 White Oyundelger 国籍 Federation MGL 等级分 Rating _____
 黑方 Black Zhou Shumeng 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 1248

组别 Group
G/D

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	cb
2	d4	d5
3	e5	Bd7
4	Bd3	Bd3
5	Qd3	eb
6	Bb3	Ne7
7	Nf3	Nf6
8	c4	dc
9	Qc4	Qd5
10	Qb3	Qb3
11	ab	Nab
12	0-0	Be7
13	nc3	0-0
14	Ne4	Rtd8
15	dac1	Nb4
16	h3	Nd5
17	pe1	Ne3
18	te	h6
19	g4	Nh4
20	Nh4	Bh4
21	re2	Be7
22	rh2	Rd7
23	h4	Rud8
24	nc3	cc
25	Ne2	cd
26	ed.	Bc5
27	Ra1	Bb6
28	Ra4	Rc8
29	kh1	Rc2
30	ab Ra2	Sc ab

	White	Black
31	g5	Bd4
32	nd4	Rh2
33	Rh2	Rd4
34	g6	g6
35	Kg2	Rh4
36	Ra4	Ra4
37	ba	Kg7
38	Kt3	Kg6
39	Kg4	h5
40	Kt4	h4
41	Kg4	h3
42	Kh3	Kt5
43	Kg3	Kc5
44	Kt5	Kd4
45	Ke2	f5
46	Kd2	e5
47	Ke2	e4
48	Kt2	f4
49	Ke2	f3
50	Kt2	Kd3
51	Ke1	e3
52	b4	e2
53	b5	Kc3
54	bb	f2
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black Zhou Shumeng
裁判 Arbiter 白耐君	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 3 组别 Group: G 10
 白方 White: Liu Yue 国籍 Federation: China 等级分 Rating: 0
 黑方 Black: Liu Xinhui 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: 0
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Re5	fe	61	Kd6	Re4
2	c4	e6	32	Kd3	Ke7	62	Kc6	Kd4
3	Nc3	Nf6	33	Kc4	Kd6	63	Kb6	Qc5
4	Nf3	c6	34	Kd3	Kd5	64	Kb7	Kd5
5	e3	Nbd7	35	Nf4	Qd5	65	Kb8	Qc6
6	Be2	Be7	36	Nf4	Nf5	66	Ka7	Qb5
7	0-0	0-0	37	Ke3	e4	67	Ka8	Kc6
8	Re1	Res	38	f3	ef	68	Ka7	Qb7
9	Bd3	h6	39	Kf3	Ke5	69		
10	e4	de	40	Ke3	g4	70		
11	Be4	Ne4	41	Kd3	bb	71		
12	Ne4	Nf6	42	Ke3	c5	72		
13	Nf6	Bf6	43	a4	b5	73		
14	d5	ed	44	Kd3	Kd5	74		
15	Res	Qes	45	ab	ab	75		
16	cd	Qd8	46	Ke3	c4	76		
17	db	Bg4	47	bc	Ke4	77		
18	Qb3	Qd6	48	Kd3	Kd4	78		
19	h3	Bf3	49	Ke2	g4	79		
20	Qf3	Bf5	50	Kd2	Ke4	80		
21	g3	Qf6	51	Ke2	b3			
22	Qf6	Bf6	52	Kd2	Kf3			
23	Rb1	Rd8	53	Kc3	Kf3			
24	Be3	ab	54	Kf3	Kf2			
25	b3	Rd5	55	Kc4	g3			
26	Re1	Kf8	56	Kd4	g2			
27	Kf1	Bf5	57	Ke4	g1=Q			
28	Bf5	Rf5	58	Ke5	Qg4			
29	Re3	f6	59	Kd5	Ke3			
30	Ke2	Rf5	60	Ke5	Qg5			

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
刘悦	Liu Xinhui
裁判 Arbiter	
白羽	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018/ 轮次 Round: 7 台次 Board: 3
 白方 White Liu Yue 国籍 Federation China 等级分 Rating 0
 黑方 Black Lixinrui 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
G10

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	eb
3	Nc3	Nf6
4	Nf3	c6
5	e3	Nd7
6	Be2	Be7
7	O-O	O-O
8	Re1	Re8
9	Bd3	h6
10	e4	dxe4
11	Bxe4	Nxe4
12	Nxe4	Nf6
13	Nxf6	Bxf6
14	d5	exd5
15	Rxe8	Qe8
16	cd	Qd8
17	db	Bg4
18	Qb3	Qxd6
19	h3	Bxf3
20	Qxf3	Be5
21	g3	Qf6
22	Qxf6	Bxf6
23	Rb1	Rd8
24	Be3	o-o
25	b3	Rd5
26	Re1	Kf8
27	Kf1	Bd5
28	Bxg5	Rxg5
29	Re3	f6
30	ke2	Re5

	White	Black
31	Rxe5	fxe5
32	kd3	ke7
33	Kc4	Kdb
34	kd3	kd5
35	h4	g5
36	g5	g5
37	ke3	e4
38	f3	f3
39	Kf3	kes
40	ke3	g4
41	kd3	ob
42	ke3	c5
43	q4	b5
44	kd3	kd5
45	ab	ab
46	ke3	c4
47	bc	Kc4
48	kd3	Kd4
49	ke2	b4
50	kd2	ket
51	ke2	b3
52	kd2	Kf3
53	Kc3	kg3
54	kb3	Kf2
55	Kc4	g3
56	Kd4	g2
57	ke4	g1
58	ke5	Qg4
59	kd5	ke3
60	ke5	Qg5

	White	Black
61	Kd6	Ke4
62	Kc6	Kd4
63	Kb5	Qc5
64	Kb7	Kd5
65	Kb8	Qc6
66	ka7	Qb5
67	ka8	Kc6
68	ka7	Qb1
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
刘悦	Lixinrui

裁判 Arbiter
白羽青



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 20180806 轮次 Round: 7 台次 Board: 4

白方 White Liu zhi an 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

黑方 Black Khanyl 国籍 Federation Korea 等级分 Rating 1402

组别 Group
G10

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e6
2	Nf3	d5
3	Nc3	d4
4	Nd4	Qb8
5	b4	Bb4
6	c3	d
7	d4	Qd1
8	K:d1	Ba5
9	e4	Rb7
10	Nc5	Bce
11	Rb2	Bd2
12	Nd2	b6
13	Nd3	Nc6
14	Nd5	Ne4
15	Nc6	Nf2
16	Ke1	Nb4
17	Nb8	Rb8
18	g3	Rd8
19	Bg2	Nf2
20	Bc8	Kf8
21	Nd4	Nd4
22	B:d4	Rd4
23	Bb7	R:c4
24	B:a6	Rc2
25	b4	Rg2
26	Bb7	Rg8
27	Rd1	Ra7
28	Ke2	Rd1
29	Kd1	Ke7
30	Bb3	Rd8

	White	Black
31	Ke2	Rd4
32	h5	Rh4
33	B:h7	Rhs
34	Ba4	Rb2
35	Ke3	Ra2
36	Bb7	Ra3
37	Ke4	f5
38	Kf4	e5
39	Kg5	c4
40	Kg6	Ra1
41	Bc2	Rg1+
42	Kh5	g6
43	Kh6	Kf6
44	Kh2	e3
45	Bb3	Rc1
46	Kh6	Rb1
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Liu zhi an</u>	黑方 Black <u>Khanyl</u>
-------------------------------	---------------------------

裁判 Arbiter

白 羽 希



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 4
 白方 White Liu Zhi an 国籍 Federation China 等级分 Rating 0
 黑方 Black Khanyl 国籍 Federation Korea 等级分 Rating 1402
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G10

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	d5
3	Nc3	d4
4	Nd4	ab
5	b4	Bb4
6	c3	bc
7	dc	Qd4
8	Kd1	Ba5
9	c4	Bd7
10	Nc5	Bc6
11	Bd2	Bd2
12	Nd2	b6
13	Nd3	Nf6
14	Ne5	Ne4
15	Nc6	Nf2
16	Ke1	Nh1
17	Nb8	Rb8
18	g3	Rd8
19	Bg2	Nf2
20	Bc6+	Kf8
21	Ne4	Ne4
22	Be4	Rd4
23	Bb7	Rc4
24	Bab	Rc2
25	h4	Rg2
26	Bb5	Rg3
27	Rd1	Rg1
28	Ke2	Rd1
29	Kd1	Ke7
30	Bd3	Rd8

	White	Black
31	Ke2	Rd4
32	h5	Rh4
33	Bh7	Rh5
34	Be4	Rh2
35	Ke3	Ra2
36	Bb7	Ra3
37	Ke4	f5+
38	Kf4	c5
39	Kg5	c4
40	Kg6	Ra1
41	Bc2	Rg1
42	Kh5	g6
43	Kh6	Kf6
44	Kh7	c3
45	Bb3	Rc1
46	Kh6	Rh1
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:
 白方 White: Liu Zhi an
 黑方 Black: Khanyl
 裁判 Arbiter:
白 冠 希



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.6 轮次 Round: 7 台次 Board: 5
 白方 White Sophie Yi-Hsuan 国籍 Federation TPE 等级分 Rating 0
 黑方 Black Nang Ziyun 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
G10

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
	1	e4	e5	31		61		
	2	Nf3	Nc6	32		62		
Bb	3	Bc4	Bc5	33		63		
	4	c3	e3 Nf3	34		64		
b3	5	d4	d5	35		65		
	6	ed	ed	36		66		
0-0	7	dc	bc	37		67		
	8	cd	Bb4	38		68		
c3	9	Bd2	Bd2	39		69		
	10	Qd2	Qe7	40		70		
a4	11	Qd2 Qe2	Q0	41		71		
	12	Qe7	Bd7	42		72		
b3	13	Q0	Rfe8	43		73		
Na3	14	Bf7	Kh8	44		74		
	15	Be8	Be8	45		75		
c4	16	Nc3	c5	46		76		
	17	Ne4	Ne4	47		77		
Qc2	18	Qf8		48		78		
	19			49		79		
Ra4	20			50		80		
	21			51				
Na5	22			52				
	23			53				
Nxb7	24			54				
	25			55				
Rxb8	26			56				
	27			57				
	28			58				
	29			59				
	30			60				

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<i>(Signature)</i>	Wang Ziyun

裁判 Arbiter

(Signature)



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.6.2018 轮次 Round: 7 台次 Board: 5

白方 White Tsai Sophie Yi-Hsuan 国籍 Federation TPE 等级分 Rating 0

黑方 Black Wang ziyun 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group

G10

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31			61		
2	Nf3	Nc6	32			62		
3	Bc4	Bc5	33			63		
4	c3	Nf6	34			64		
5	d4	d5	35			65		
6	exd5	exd4	36			66		
7	dxc6	bxc6	37			67		
8	cxd4	Bb4+	38			68		
9	Bd2	Bxd2+	39			69		
10	Qxd2	Qe7+	40			70		
11	Qe2	O-O	41			71		
12	Qxe7	Bd7	42			72		
13	O-O	Rfe8	43			73		
14	Bxf7+	Kh8	44			74		
15	Bxe8	Bxe8	45			75		
16	Nc3	c5	46			76		
17	Ne4	Nxe4	47			77		
18	Qf8#		48			78		
19			49			79		
20			50			80		
21			51					
22			52					
23			53					
24			54					
25			55					
26			56					
27			57					
28			58					
29			59					
30			60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter

